

CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐỂ BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

Tô Thanh Tùng¹

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích vai trò, ý nghĩa và những vấn đề đặt ra trong quá trình chuyển đổi số giáo dục đại học tại Việt Nam, coi đây là động lực then chốt thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần hiện thực hóa khát vọng vườn mình của dân tộc trong kỷ nguyên mới. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục của một số quốc gia như Singapore, Hàn Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ và đánh giá hiện trạng triển khai tại các trường đại học tại Việt Nam, bài viết đề xuất các giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm tăng tốc quá trình chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản trị, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Chuyển đổi số, giáo dục đại học, kỷ nguyên vườn mình.

Abstract: The article focuses on analyzing the role, significance, and emerging issues in the process of digital transformation in higher education in Vietnam, considering it a pivotal driving force to promote the development of high-quality human resources, contributing to realizing the national aspiration of transformation in the new era. Based on the study of digital transformation experiences in education from several countries such as Singapore, South Korea, India, and the United States, along with an assessment of the current implementation at Vietnamese higher education institutions, the article proposes comprehensive and feasible solutions to accelerate digital transformation, enhance the efficiency of governance, teaching, and scientific research, thereby meeting the requirements of sustainable development and international integration.

Keywords: Digital transformation, higher education, the era of national aspiration.

Nhận bài: 03/02/2025 Gửi phản biện: 24/02/2025 Duyệt đăng: 03/03/2025

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số giáo dục đại học không chỉ là một xu thế tất yếu mà còn là động lực cốt lõi thúc đẩy sự phát triển của toàn xã hội

trong thời kỳ hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0. Trong bối cảnh thế giới ngày càng dựa vào nền tảng số để giải quyết các thách thức phức tạp, việc đổi mới hệ thống giáo dục đại học nhằm bắt nhịp với sự thay

¹ Tiến sĩ, Thượng tá, Trường Sĩ quan Đặc công

đổi này là một nhiệm vụ cấp bách để xây dựng nền tảng tri thức, nhân lực và năng lực cạnh tranh cho quốc gia. Đây là bước đệm quan trọng để Việt Nam tiến vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên mà sự đổi mới, sáng tạo và hợp tác quốc tế trở thành chìa khóa để dân tộc vươn mình mạnh mẽ trên trường quốc tế.

Theo Tổng Bí thư Tô Lâm “*Thời điểm bắt đầu kỷ nguyên mới là Đại hội XIV của Đảng, từ đây, mọi người dân Việt Nam, trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết nhất trí, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh*”² (Tô Lâm, 2024). Do vậy, giáo dục đại học không nằm ngoài mục tiêu đó.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học, bao gồm phân tích, tổng hợp và so sánh tài liệu. Theo đó, phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng để làm rõ cơ sở lý luận, nội hàm khái niệm và vai trò của chuyển đổi số trong giáo dục đại học, qua đó nhận diện những vấn đề đặt ra trong quá trình triển khai tại Việt Nam. Phương pháp tổng hợp tài liệu được áp dụng nhằm hệ thống hóa các nghiên cứu, chính sách và kinh nghiệm chuyển đổi số trong giáo dục đại học của một số quốc gia trên thế giới như Singapore, Hàn Quốc, Ấn Độ và Hoa Kỳ. Trên cơ sở đó, phương pháp so sánh tài liệu được sử dụng để đối chiếu, đánh giá những điểm tương đồng, khác biệt và bài học kinh nghiệm trong chuyển đổi số giáo dục đại học giữa các quốc gia, làm cơ sở đề xuất các giải

pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam. Việc kết hợp các phương pháp này nhằm đảm bảo tính khách quan, hệ thống và tính khả thi trong việc đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục đại học, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

3. Kết quả và bình luận

3.1. Chuyển đổi số giáo dục đại học và vai trò của nó trong kỷ nguyên vươn mình

Chuyển đổi số - một khái niệm được sử dụng nhiều trong những năm gần đây, tuy nhiên vẫn chưa có sự thống nhất. Tùy theo góc độ nghiên cứu, các nhà khoa học đưa ra những quan điểm khác nhau. Theo Westerman và cộng sự, chuyển đổi số là việc sử dụng công nghệ thông tin để cải thiện hoàn toàn hiệu suất và phạm vi hoạt động đang là chủ đề nóng đối với các công ty toàn cầu (Westerman, 2011).

Mazzone cho rằng, chuyển đổi số là sự phát triển kỹ thuật số có chủ ý và liên tục của một công ty, mô hình kinh doanh, quy trình ý tưởng hoặc phương pháp luận, cả về mặt chiến lược (strategically) và chiến thuật (tactically) (Mazzone, 2014, tr.125).

Từ hai quan điểm trên có thể hiểu, chuyển đổi số là việc áp dụng kỹ thuật số để chuyển từ mô hình sản xuất kinh doanh truyền thống sang mô hình số, bằng cách ứng dụng thành tựu công nghệ, ngày nay là trí tuệ nhân tạo (AI- Artificial Intelligence), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud Computing)... Để thay đổi phương cách điều hành, quy trình làm việc, văn hóa tổ chức sản xuất kinh doanh; chuyển các hoạt động từ thế giới thực sang thế giới ảo ở trên môi trường Internet,

² Chiều 25/11, tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo sư, Tiến sĩ Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã trao đổi chuyên đề “*Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*”

từ đó giúp cho mọi người tiếp cận với các nguồn thông tin một cách dễ dàng, tiết kiệm thời gian và chi phí. Ở đây, cần phân biệt rõ tin học hóa, hay ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Tin học hóa là số hóa quy trình đã có, theo mô hình hoạt động đã có, để cung cấp dịch vụ đã có. Chuyển đổi số là số hóa toàn bộ cả một tổ chức. Chuyển đổi số là thay đổi quy trình mới, mô hình tổ chức mới, phương thức cung cấp dịch vụ hoặc cung cấp dịch vụ mới.

Như vậy, có thể hiểu khái quát, chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số.

Chuyển đổi số giáo dục đại học

Trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó chuyển đổi số giáo dục là *“Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của người học trước khi đến lớp học”* (Thủ tướng Chính phủ, 2020).

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo có Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT, ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh

giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học (Bộ chỉ số). Theo đó, việc đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học được thực hiện dựa trên 2 nhóm tiêu chí gồm: Chuyển đổi số trong đào tạo và chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục đại học.

Chuyển đổi số giáo dục đại học không chỉ là ứng dụng công nghệ vào dạy học mà sẽ làm thay đổi sâu sắc trong tư duy, phương pháp tổ chức, và mô hình hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học.

Nhóm tiêu chí *“Chuyển đổi số trong đào tạo”* bao gồm các nội dung sau: Ban hành kế hoạch và quy chế đào tạo trực tuyến, trong đó áp dụng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy trực tuyến như Microsoft Teams, Zoom, Google Meet hoặc các nền tảng tương đương; triển khai hệ thống thư viện điện tử/thư viện số đáp ứng các yêu cầu theo quy định; tổ chức thi và kiểm tra trên máy tính tại các phòng máy tính kết nối mạng LAN; ban hành quy chế thi, kiểm tra trên máy tính; xác định tỷ lệ môn học/học phần được tổ chức thi, kiểm tra trên máy tính; đánh giá tỷ lệ giảng viên có khả năng khai thác và sử dụng các phần mềm, công cụ phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy; xác định tỷ lệ giảng viên có thể xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử...

Nhóm tiêu chí *“Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục đại học”* bao gồm: Triển khai văn phòng điện tử với các yếu tố như văn bản điện tử, hồ sơ công việc, chữ ký số; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người học, bao gồm tuyển sinh trực tuyến, đăng ký học tín chỉ, đăng ký và báo cáo kết quả thực tập, tra cứu thông tin và kết quả học tập, xác nhận các thủ tục liên quan tại cơ sở giáo dục, đóng học phí, cũng như các dịch vụ liên quan đến thư viện, ký túc xá, văn bằng chứng chỉ và hỗ trợ sinh viên sau tốt nghiệp; triển khai thu

phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt... (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022).

Như vậy, để được đánh giá là cơ sở giáo dục đại học thực hiện chuyển đổi số cần phải bám sát và thỏa mãn 2 nhóm tiêu chí kể trên.

Vai trò của chuyển đổi số giáo dục đại học trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Hiện nay, chuyển đổi số giáo dục đại học không những là xu hướng tất yếu mà còn là yếu tố quyết định giúp Việt Nam vươn mình trong kỷ nguyên hội nhập toàn cầu. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang định hình lại mọi lĩnh vực, từ kinh tế, văn hóa đến xã hội, chuyển đổi số giáo dục đại học mang đến những cơ hội đột phá để nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực Việt Nam - yếu tố then chốt để một quốc gia vươn lên mạnh mẽ.

Chuyển đổi số còn góp phần thúc đẩy nghiên cứu khoa học - lĩnh vực đóng vai trò nền tảng trong việc xây dựng năng lực sáng tạo và đổi mới. Các công cụ phân tích dữ liệu tiên tiến, nền tảng hợp tác nghiên cứu trực tuyến và kho tài nguyên số toàn cầu đã giúp các nhà khoa học của Việt Nam rút ngắn khoảng cách với các cường quốc khoa học. Việc tích cực tham gia vào các mạng lưới nghiên cứu quốc tế không chỉ giúp Việt Nam học hỏi được những thành tựu mới mà còn đưa những phát kiến và giải pháp mang tính bản địa ra thế giới. Điều này đặc biệt quan trọng khi dân tộc Việt Nam đang trong giai đoạn cần những đột phá lớn để vượt qua bẫy thu nhập trung bình và định vị lại vị thế mình trên bản đồ kinh tế tri thức.

Chuyển đổi số cũng đóng vai trò là cầu nối giữa giáo dục đại học với doanh nghiệp và thị trường lao động, giúp tối ưu hóa việc

đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Các chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, cập nhật liên tục theo yêu cầu của thị trường, với sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình giảng dạy và đánh giá. Điều này đảm bảo rằng sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức lý thuyết mà còn sẵn sàng với những kỹ năng thực tiễn, phù hợp với các ngành công nghiệp công nghệ cao, từ AI, Blockchain, đến Robot và năng lượng tái tạo... Khi sinh viên tốt nghiệp, đó là lúc họ đã sẵn sàng cho thị trường toàn cầu. Từ đó, Việt Nam có thêm cơ hội để xuất khẩu nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời thu hút đầu tư quốc tế vào các lĩnh vực chiến lược.

Không chỉ dừng lại ở việc nâng cao chất lượng giáo dục, chuyển đổi số giáo dục đại học còn tạo động lực cho một sự chuyển đổi sâu rộng về văn hóa học tập và sáng tạo của người Việt Nam. Tinh thần học hỏi suốt đời và khả năng thích ứng linh hoạt với những thay đổi nhanh chóng trong công nghệ được củng cố mạnh mẽ, giúp người trẻ Việt Nam sẵn sàng đón nhận những thách thức lớn. Sự kết hợp giữa nền tảng giáo dục hiện đại, công nghệ số, và ý chí vươn lên của Dân tộc đã, đang và sẽ tiếp tục là động lực lớn để Việt Nam không ngừng phát triển, khẳng định vị thế trong khu vực và thế giới.

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, dân tộc Việt Nam có cơ hội lớn để trở thành một trung tâm tri thức và sáng tạo của khu vực. Chuyển đổi số giáo dục đại học chính là chiếc chìa khóa mở ra cánh cửa đó, biến Việt Nam thành một quốc gia không chỉ học hỏi từ thế giới mà còn có thể đóng góp những giá trị mới, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và thịnh vượng.

3.2. Chuyển đổi số giáo dục đại học một số nước trên thế giới

3.2.1. Singapore

Mô hình chuyển đổi số của Singapore tập trung vào việc đầu tư mạnh mẽ vào các chương trình giáo dục công nghệ (EdTech), trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến đào tạo giáo viên nhằm đảm bảo tích hợp công nghệ vào giảng dạy một cách hiệu quả. Giáo viên được trang bị kiến thức chuyên sâu về cách khai thác và ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến trong giảng dạy và quản lý lớp học.

Chính phủ cùng các tổ chức giáo dục tích cực hỗ trợ các sáng kiến đổi mới và nghiên cứu về ứng dụng công nghệ trong giáo dục. Nhờ đó, giáo viên không chỉ nâng cao tư duy phân tích, khả năng tận dụng công nghệ một cách tối ưu mà còn có thể chia sẻ rộng rãi các phương pháp giảng dạy tiên tiến với nhiều cơ sở giáo dục khác.

Singapore cũng là quốc gia tiên phong trong việc tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) vào giáo dục nhằm chuẩn bị cho một tương lai được thúc đẩy bởi AI và công nghệ. Năm 2023, Bộ Giáo dục Singapore triển khai Kế hoạch EdTech 2030 “*Chuyển đổi giáo dục thông qua công nghệ*”, với mục tiêu tích hợp AI sâu rộng vào hệ thống giáo dục. Kế hoạch này hướng đến ba mục tiêu chính: Thứ nhất, phát triển khả năng tự định hướng học tập, giúp học sinh chủ động trong hành trình học tập, nuôi dưỡng sự tò mò và thúc đẩy tinh thần học tập suốt đời. Thứ hai, cá nhân hóa quá trình học tập, tận dụng công nghệ để đáp ứng nhu cầu học tập riêng biệt của từng học sinh, đảm bảo mỗi em có thể học theo tốc độ và phong cách phù hợp nhất. Thứ ba, kết nối trong học tập, sử dụng công nghệ để mở rộng phạm vi lớp học, kết nối người học với chuyên gia và nguồn tài nguyên học tập toàn cầu (Phạm Mạnh Hùng, 2024).

3.2.2. Hàn Quốc

Từ năm 1998, Chính phủ Hàn Quốc đã triển khai dự án thí điểm thành lập 05 trường đại học số đầu tiên, mỗi trường do một tổ chức tư nhân xây dựng, với mục tiêu mở rộng quy mô đào tạo và tiếp cận nhiều sinh viên hơn.

Đến nay, với dân số hơn 50 triệu người, Hàn Quốc đã phát triển khoảng 20 trường đại học số. Trong đó, Trường Đại học số Seoul được xem là mô hình tiêu biểu không chỉ của Hàn Quốc mà còn của toàn châu Á. Mỗi năm, trường đào tạo tới 40.000 sinh viên hoàn toàn theo hình thức trực tuyến, giúp nâng cao năng lực đào tạo hơn 30% so với phương thức giảng dạy trực tiếp.

Với hơn 20 năm phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục số, Hàn Quốc đã vươn lên dẫn đầu thế giới về tỷ lệ thanh niên từ 25 - 34 tuổi có trình độ đại học, đạt khoảng 60%, qua đó tạo ra một lực lượng lao động chất lượng cao dồi dào cho quốc gia.

Ngoài việc đổi mới mô hình giáo dục dựa trên công nghệ, Bộ Giáo dục Hàn Quốc cũng thông báo rằng sách giáo khoa kỹ thuật số sẽ được chính thức triển khai trong các trường học vào năm 2025 (Đan Lê, 2023).

3.2.3. Ấn Độ

Theo Ngân sách Quốc gia 2023 và Chính sách Giáo dục Quốc gia (NEP) của Ấn Độ, các trường đại học sẽ dần chuyển đổi thành đại học số, đưa mô hình này trở thành xu hướng tất yếu trong giáo dục đại học tại quốc gia này trong tương lai gần.

Trước mắt, Chính phủ Ấn Độ đã công bố kế hoạch thành lập Đại học Số Quốc gia (NDU) nhằm cung cấp giáo dục trực tuyến chất lượng cao cho sinh viên trên khắp cả nước. NDU được kỳ vọng sẽ tạo ra bước đột phá trong giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh

Ấn Độ là một quốc gia rộng lớn và đa dạng.

Dự kiến, NDU sẽ cung cấp các chương trình đào tạo cấp bằng tốt nghiệp và chứng chỉ trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm kỹ thuật, quản lý, nhân văn và khoa học xã hội. Ấn Độ cũng xác định đại học số là giải pháp chiến lược để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

“*Trường đại học số*” là mô hình hoạt động hoàn toàn trên nền tảng kỹ thuật số, sử dụng các thiết bị kết nối Internet. Trong môi trường này, quá trình giảng dạy và học tập của tất cả các môn học đều diễn ra thông qua các giải pháp công nghệ thông tin trên không gian ảo. Thủ tướng Ấn Độ, ông Narendra Modi, coi đây là một bước đi mang tính đột phá nhằm giải quyết triệt để vấn đề giới hạn chỉ tiêu đào tạo trong các trường đại học. Việc phát triển đại học số có thể giúp tăng tỷ lệ tiếp cận giáo dục bậc đại học từ 27% lên 50%, tạo cơ hội học tập cho thêm 10 triệu công dân Ấn Độ trong độ tuổi phù hợp (Nguyễn Anh Tú, 2022).

3.2.4. Hoa Kỳ

Bộ Giáo dục Hoa Kỳ đang tích cực thúc đẩy hai mô hình giáo dục trực tuyến và học tập kết hợp (Blended/Hybrid Learning). Các nền tảng như Coursera, Khan Academy và EdX mang đến cho học sinh, sinh viên cơ hội tiếp cận các khóa học chuyên sâu, giúp trang bị những kiến thức quan trọng.

Bên cạnh đó, Hoa Kỳ cũng đầu tư mạnh vào công nghệ giáo dục và cơ sở hạ tầng nhằm hỗ trợ quá trình chuyển đổi số trong giáo dục. Các quỹ và chương trình như Every Student Succeeds Act (ESSA) đã được triển khai để nâng cấp hạ tầng công nghệ, cung cấp thiết bị học tập và phát triển các công cụ học tập số hiện đại.

Hiện nay, trong khoảng 2.500 chương

trình đại học trực tuyến tại Hoa Kỳ, khoảng 100 chương trình hàng đầu đã thu hút gần 50% tổng số sinh viên theo học. Đồng thời, một số trường đại học tại Mỹ đã chuyển đổi hình thức đào tạo MBA từ mô hình nội trú truyền thống sang chương trình trực tuyến, phục vụ hàng nghìn sinh viên.

Sự bùng nổ của hơn 50.000 chương trình giảng dạy trực tuyến cấp bằng MOOC trên toàn cầu đã tạo nên môi trường cạnh tranh mạnh mẽ, thúc đẩy các cơ sở giáo dục đại học bước vào kỷ nguyên cấp chứng nhận số. Hình thức này giúp sinh viên ghi nhận thành tích, kỹ năng và năng lực thông qua các lớp học trực tuyến, mở ra cơ hội học tập linh hoạt và phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn (Gallagher. S. & Palmer. J., 2020).

Thực tiễn chuyển đổi số của các trường đại học trên thế giới là những căn cứ quan trọng để Việt Nam học tập và thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số giáo dục đại học hiện nay.

3.3. *Hiện trạng và giải pháp thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số giáo dục đại học Việt Nam góp phần đưa đất nước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình*

3.3.1. *Hiện trạng chung về chuyển đổi số trong các trường đại học Việt Nam*

Trong những năm gần đây, với sự hỗ trợ của Chính phủ và các tổ chức quốc tế, nhiều trường đại học đã triển khai các dự án chuyển đổi số, tuy nhiên mức độ thực hiện còn chênh lệch giữa các trường, đặc biệt giữa khu vực trung ương và địa phương, thể hiện trên mấy điểm sau:

Một là: Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập. Nhiều trường đại học đã áp dụng các nền tảng công nghệ vào hoạt động giảng dạy, như hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), các phần mềm hợp

trực tuyến (Zoom, Microsoft Teams) và các khóa học trực tuyến mở (MOOCs). Tuy nhiên, việc ứng dụng này vẫn chưa đồng đều. Một số trường còn gặp khó khăn về hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là những trường ở vùng sâu, vùng xa, nơi kết nối Internet còn yếu và trang thiết bị hạn chế. Việc sử dụng các nền tảng còn gặp các vấn đề về lỗi kỹ thuật thường xuyên.

Hai là: Hệ thống quản lý giáo dục. Việc số hóa các quy trình quản lý như: đăng ký môn học, quản lý điểm, và cấp phát bằng cấp điện tử đã và đang được thực hiện ở nhiều trường. Tuy nhiên, hệ thống này thường thiếu tính đồng bộ và chưa thực sự tối ưu hóa. Nhiều trường vẫn sử dụng cả hệ thống giấy tờ truyền thống song song với hệ thống số hóa, dẫn đến sự chồng chéo và kém hiệu quả.

Ba là: Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Các trường đại học lớn ở Việt Nam đã tích cực ứng dụng công nghệ số trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, vấn đề đầu tư vào nghiên cứu công nghệ số vẫn còn ít, năng lực nghiên cứu còn hạn chế do thiếu nguồn lực tài chính và con người.

Bốn là: Kỹ năng số của giảng viên và sinh viên. Phần lớn giảng viên và sinh viên vẫn chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng số để thích nghi với môi trường học tập và làm việc số hóa. Nhiều giảng viên vẫn quen với phương pháp giảng dạy truyền thống, trong khi sinh viên chưa có kỹ năng tự học và khai thác tài nguyên số hiệu quả.

Năm là: Nhận thức và cam kết từ các nhà quản lý. Chuyển đổi số được xác định là nhiệm vụ quan trọng, nhưng thực tiễn cho thấy, nó chưa thực sự được ưu tiên hoặc cam kết đủ nguồn lực để thực hiện. Điều này khiến việc triển khai các dự án số hóa diễn ra

chậm và không bền vững.

Ngoài ra, mặc dù tiềm năng của chuyển đổi số là rất lớn, nhưng việc chuyển đổi số giáo dục đại học Việt Nam cũng đang đứng trước những khó khăn, thách thức. Một trong những khó khăn lớn nhất là sự chênh lệch về hạ tầng công nghệ và mức độ tiếp cận công nghệ giữa các vùng miền. Các trường đại học địa phương thường thiếu hụt hạ tầng cơ sở, từ thiết bị công nghệ đến kết nối Internet ổn định, khiến việc triển khai các giải pháp số gặp nhiều trở ngại.

Thêm vào đó, năng lực số của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục còn hạn chế. Nhiều giảng viên vẫn quen thuộc với phương pháp giảng dạy truyền thống và chưa được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ về cách ứng dụng công nghệ vào giảng dạy. Điều này đòi hỏi một chiến lược dài hạn để nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo dục, giúp họ không chỉ làm chủ công nghệ mà còn sáng tạo trong việc sử dụng chúng để truyền tải kiến thức.

Một thách thức khác là nhận thức của sinh viên về học tập số hóa. Dù tiếp xúc nhiều với công nghệ, một bộ phận sinh viên vẫn thiếu kỹ năng tự học và khai thác tài nguyên số hiệu quả. Điều này dẫn đến tình trạng học tập thụ động và thiếu gắn kết với quá trình học tập trực tuyến. Do đó, cần có các chương trình hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên cách học tập trong môi trường số, cũng như phát triển các kỹ năng mềm như quản lý thời gian và tư duy phản biện.

Có thể nói, chuyển đổi số giáo dục đại học không chỉ là một cơ hội mà còn là thách thức, là trách nhiệm lớn lao để xây dựng một nền giáo dục hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội trong kỷ nguyên số hóa. Đây là bước đi chiến lược để Việt Nam không chỉ

theo kịp mà còn vượt lên trong cuộc cạnh tranh toàn cầu về tri thức và công nghệ. Với sự đồng lòng của Nhà nước, các cơ sở giáo dục và toàn xã hội, Việt Nam có thể vươn mình mạnh mẽ, trở thành một quốc gia đổi mới sáng tạo, dẫn đầu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và tri thức nhân loại. Chuyển đổi số chính là chìa khóa đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của sự phát triển bền vững và hội nhập toàn diện.

3.3.2. Giải pháp căn bản để thúc đẩy nhanh và hiệu quả quá trình chuyển đổi số giáo dục đại học Việt Nam

Để nâng cao hiệu quả chuyển đổi số giáo dục đại học, cần có các giải pháp đồng bộ từ cơ chế chính sách đến các chương trình đào tạo cụ thể. Dưới đây là những giải pháp cần thiết:

Thứ nhất: Xây dựng chiến lược và lộ trình chuyển đổi số. Mỗi trường đại học cần xây dựng một chiến lược chuyển đổi số cụ thể, phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển. Chiến lược này cần bao gồm lộ trình chi tiết, mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, cùng với các chỉ số đánh giá hiệu quả rõ ràng.

Thứ hai: Đầu tư vào hạ tầng công nghệ. Chính phủ và các trường đại học cần tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin như hệ thống máy chủ, đường truyền Internet tốc độ cao, và các thiết bị học tập hiện đại. Đặc biệt, cần ưu tiên hỗ trợ cho các trường ở vùng khó khăn để thu hẹp khoảng cách số. Cung cấp các khóa học trực tuyến chất lượng cao; đầu tư vào các giải pháp bảo mật để bảo vệ dữ liệu của nhà trường.

Thứ ba: Nâng cao năng lực số cho giảng viên và sinh viên. Các chương trình đào tạo kỹ năng số cần được triển khai rộng rãi, bao gồm cả kỹ năng sử dụng phần mềm

giảng dạy, khai thác tài nguyên trực tuyến và bảo mật thông tin. Đồng thời, cần tổ chức các khóa bồi dưỡng định kỳ cho giảng viên để họ nắm bắt kịp thời các công nghệ mới. Điều này không chỉ nâng cao năng lực sử dụng công nghệ mà còn thúc đẩy sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học. Bản thân cán bộ, giảng viên, sinh viên cũng phải tích cực, chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu về ngoại ngữ, công nghệ thông tin để nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, lãnh đạo, dạy và học...

Thứ tư: Tăng cường hợp tác quốc tế và đối tác công nghệ. Việc hợp tác với các tổ chức quốc tế, các công ty công nghệ lớn sẽ giúp các trường tiếp cận được các nguồn lực và giải pháp tiên tiến. Các trường có thể học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia đã thành công trong chuyển đổi số và áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam. Xu thế chuyển đổi số giáo dục đại học đang diễn ra mạnh mẽ trong khu vực và thế giới, điều quan trọng để có dữ liệu học tập, giảng dạy cần các trường chia sẻ, hỗ trợ và liên thông với nhau, các trường đại học thực hiện được sự chia sẻ tài nguyên, từ đó hình thành giá trị chung. Đây cũng là cơ hội để giáo dục đại học tăng cường hợp tác với nhau để hoàn thiện giải pháp cũng như thực hiện chuyển đổi số.

Thứ năm: Phát triển hệ thống học liệu số và tài nguyên mở. Để chuyển đổi số, các trường đại học phải cùng phát triển học liệu điện tử. Tài nguyên giáo dục mở sẽ được phân phối trên mạng thông tin, giúp mọi đối tượng tiếp cận tri thức. Với kho học liệu mở thì dù ở đâu, thời gian nào, việc học tập cũng không bị gián đoạn với xu hướng phát triển của thế giới.

Thứ sáu: Hoàn thiện cơ chế chính sách và tạo động lực. Chính phủ cần ban hành chính sách hỗ trợ chuyển đổi số, bao gồm hỗ trợ tài chính, ưu đãi thuế cho các dự án. Bên cạnh đó, cần có các cơ chế khuyến khích sáng tạo, như thưởng cho cán bộ lãnh đạo, giảng viên và sinh viên có thành tích nổi bật trong chuyển đổi số. Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính để đảm bảo mọi sinh viên đều có cơ hội tiếp cận công nghệ, đặc biệt là những sinh viên đến từ các gia đình khó khăn. Các quy định liên quan đến chuyển đổi số giáo dục đại học phải được thiết kế linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và khuyến khích sự sáng tạo, bảo đảm tạo ra môi trường giảng dạy, học tập và quản lý thuận lợi, đạt chất lượng hiệu quả cao và hạn chế những rủi ro phát sinh.

Thứ bảy: Đẩy mạnh truyền thông và nâng cao nhận thức. Trong “*Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 khẳng định: “*Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số*”. Do đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai các chiến dịch truyền thông để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chuyển đổi số, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động.

4. Kết luận

Đề quốc gia vươn mình trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu tất yếu phải chuyển đổi số giáo dục đại học. Hiện nay, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, nhất là tại các trường đại học. Thực tiễn chuyển đổi số giáo dục đại học tiêu biểu ở một số nước trên thế giới là những bài học kinh nghiệm quý cho Việt Nam. Chuyển đổi số trong các trường đại học ở Việt Nam là một hành trình đầy thách thức nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội lớn để nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế. Việc giải quyết những hạn chế hiện tại và triển khai các giải pháp đồng bộ sẽ giúp các trường đại học không chỉ cải thiện hiệu quả hoạt động mà còn đóng góp vào việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy phát triển bền vững của quốc gia trong kỷ nguyên mới. Đây không chỉ là trách nhiệm của riêng các trường đại học mà còn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp, sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ, nhà trường, doanh nghiệp và toàn xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 06/12/2022, Ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học*, truy cập từ:
<https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-dai-hoc/Pages/chi-tiet-van-ban-chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=3307>
2. Gallagher, S., & Palmer, J. (2020), *The Pandemic Pushed Universities Online. The Change Was Long Overdue*, Harvard Business Review.
3. Phạm Mạnh Hùng (2024), *Singapore tích hợp AI vào giáo dục thế nào?*, truy cập từ:
<https://viettimes.vn/singapore-tich-hop-ai-vao-giao-duc-the-nao-post179130.html>.
4. Đan Lê (2023), *Hàn Quốc có kế hoạch chuyển sang sử dụng sách giáo khoa kỹ thuật số*, truy cập từ:
<https://baothuahienhue.vn/the-gioi/han-quoc-co-ke-hoach-chuyen-sang-su-dung-sach-giao-khoa-ky-thuat-so-124199.html>
5. Mazzone, DM. (2014), *Digital or Death: Digital Transformation - The Only Choice for Business to Survive Smash and Conquer (1st ed.)*, Mississauga, Ontario: Smashbox Consulting Inc.
6. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03-06-2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, truy cập từ:
<https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=200163>
7. Nguyễn Anh Tú (2022), *Đại học số lời giải cho bài toán phát triển nguồn nhân lực số thực hiện chuyển đổi số quốc gia*, truy cập từ:
<https://ictvietnam.vn/dai-hoc-so-loi-giai-cho-bai-toan-phat-trien-nguon-nhan-luc-so-thuc-hien-cds-quoc-gia-21456.html>.
8. Westerman G, C Calmégane, D Bonnet, P Ferraris and A McAfee (2011), *Digital transformation: A roadmap for billion-dollar organizations*, MIT Center for Digital Business and Capgemini Consulting, 1-68.